

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**

---

**HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2020**



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

---

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**Hội đồng quản trị và Ban Điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập

**Ban Điều hành**

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

(tiếp theo)

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN NGỌC THÚY**

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020



Số: 450 -20/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Apax Holdings (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 08 năm 2020, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(tiếp theo)

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được soát xét, kiểm toán và chấp nhận toàn phần bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.



**Trần Quốc Tuấn**

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2020	01/01/2020
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>320.931.123.391</b>	<b>67.998.536.296</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.460.486.951</b>	<b>517.356.034</b>
1. Tiền	111	V.1.	1.460.486.951	517.356.034
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>319.180.636.440</b>	<b>67.481.180.262</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	15.701.294.000	10.501.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	927.616.995	124.240.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	305.351.725.445	58.855.940.262
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.800.000.000)	(2.000.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>290.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.	290.000.000	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.456.825.556.489</b>	<b>1.455.972.887.888</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>738.272.770</b>	<b>825.367.909</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	738.272.770	825.367.909
- Nguyên giá	222		1.139.016.215	1.139.016.215
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(400.743.445)	(313.648.306)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.6.	<b>876.866.182</b>	<b>838.998.182</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		876.866.182	838.998.182
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2.	<b>1.453.865.075.702</b>	<b>1.454.195.106.587</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.496.280.439.692	1.471.038.932.350
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239.100.000	599.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(42.654.463.990)	(17.442.925.763)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.345.341.835</b>	<b>113.415.210</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	1.345.341.835	113.415.210
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.777.756.679.880</b>	<b>1.523.971.424.184</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>849.508.142.162</b>	<b>586.110.878.738</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>746.144.116.397</b>	<b>482.855.877.127</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	4.834.202.016	2.340.582.937
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	50.000.000	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	5.541.081.348	2.698.552.883
4. Phải trả người lao động	314		1.271.153.056	499.285.205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	32.172.357.162	4.745.063.767
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	888.982.683	98.422.392.335
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	701.386.340.132	374.100.000.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>103.364.025.765</b>	<b>103.255.001.611</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.	103.364.025.765	103.255.001.611
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>928.248.537.718</b>	<b>937.860.545.446</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15.</b>	<b>928.248.537.718</b>	<b>937.860.545.446</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		815.897.350.000	815.897.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		815.897.350.000	815.897.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	65.976.720.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		112.351.187.718	55.986.475.446
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		55.986.475.446	2.853.792.912
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		56.364.712.272	53.132.682.534
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.777.756.679.880</b>	<b>1.523.971.424.184</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**






**Nguyễn Thị Hải**

**Nguyễn Mạnh Phú**

**NGUYỄN NGỌC THỦY**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	32.005.721.818	29.524.997.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		32.005.721.818	29.524.997.273
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.373.603.971	1.348.259.868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30.632.117.847	28.176.737.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	22.656.818.784	35.167.664.206
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	58.674.356.898	(4.619.230.983)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.173.794.517	5.299.262.329
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	3.942.350.617	5.452.897.278
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(9.327.770.884)	62.510.735.316
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.5.	284.236.844	-
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(284.236.844)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(9.612.007.728)	62.510.735.316
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	-	5.747.845.623
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(9.612.007.728)	56.762.889.693

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

NGUYỄN NGỌC THÙY

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.612.007.728)	62.510.735.316
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		87.095.139	40.117.545
Các khoản dự phòng	03		26.011.538.227	(10.135.493.312)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		179.811.901	(35.167.664.206)
Chi phí lãi vay	06		33.173.794.517	5.516.262.329
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.840.232.056	22.763.957.672
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(252.499.456.178)	6.193.972.187
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(98.959.525.315)	546.288.943
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.521.926.625)	(376.061.776)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.947.005.778)	(5.165.371.918)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(6.200.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		(307.087.681.840)	17.762.785.108
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(37.868.000)	(4.818.850.639)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.200.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(25.241.507.342)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		180.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.326.102.899	30.930.814.894
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(18.773.272.443)	36.311.964.255
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		348.130.000.000	300.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.325.914.800)	(300.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(61.401.300.165)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		326.804.085.200	(61.401.300.165)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		943.130.917	(7.326.550.802)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		517.356.034	30.043.826.572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	V.1.	1.460.486.951	22.717.275.770

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hải



Nguyễn Mạnh Phú



NGUYỄN NGỌC THÙY



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012. Từ ngày 22/12/2016, Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 số 0105824156, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings. Công ty có 11 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/06/2020 về việc bổ sung người đại diện theo pháp luật thì vốn điều lệ của Công ty là **815.897.350.000 đồng (Tám trăm mười lăm tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)**.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) với mã chứng khoán là IBC.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn quản lý, đầu tư.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Đại lý, môi giới, đầu giá (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn du học;

**Trụ sở Công ty tại:** Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

*Danh sách Công ty con kiểm soát trực tiếp*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax	Quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	79,69%	79,69%
Công ty CP Phát triển Giáo dục Igarten	Quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục mầm non	95,49%	95,49%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Công ty Cổ phần English Now Global	Quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu	80%	80%
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục tiểu học	51%	51%

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại thuyết minh số I.5) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**2. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ****6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí triển khai hệ thống phần mềm FSOFT, chi phí xây dựng Website Haravan được ghi nhận theo giá gốc, căn cứ trên Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí lãi vay và các khoản trích trước khác. Khoản trích trước chi phí lãi vay được căn cứ theo hợp đồng vay quy định trả lãi vay xong thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí của kỳ báo cáo. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**12. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường. Công ty phát hành trái phiếu cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi (hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ việc giới thiệu khách hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, toàn bộ là chi phí lãi vay.

**16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**16.1 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động cung cấp dịch vụ.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh thông thường.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

**1. Tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	105.786.263	175.029.462
Tiền gửi ngân hàng	1.232.272.521	223.432.253
Tiền gửi tại tài khoản của Công ty chứng khoán	122.428.167	118.894.319
<b>Cộng</b>	<b>1.460.486.951</b>	<b>517.356.034</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Dài hạn</b>				
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.496.280.439.692</b>	<b>42.529.363.990</b>	<b>1.471.038.932.350</b>	<b>17.317.825.763</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (1)	1.280.576.840.000	-	1.280.576.840.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten (2)	174.900.000.000	33.524.902.259	168.500.000.000	15.731.569.711
Công ty Cổ phần English Now Global (3)	40.000.000.000	8.703.729.105	21.158.492.658	1.456.009.686
Công ty CP Trường liên cấp Firbank Australia (4)	803.599.692	300.732.626	803.599.692	130.246.366
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>239.100.000</b>	<b>125.100.000</b>	<b>599.100.000</b>	<b>125.100.000</b>
Công ty Cổ phần May Nam Định	-	-	360.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125.100.000	125.100.000	125.100.000	125.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.496.519.539.692</b>	<b>42.654.463.990</b>	<b>1.471.638.032.350</b>	<b>17.442.925.763</b>

(\*) Các khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường.

(1) Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax tập trung chủ yếu là hoạt động đào tạo tiếng Anh tại các trung tâm Anh ngữ Apax trên toàn quốc.

(2) Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten tập trung chủ yếu là hoạt động giáo dục mầm non tại các trường mầm non.

(3) Công ty Cổ phần English Now Global tập trung chủ yếu là hoạt động xây dựng cơ bản để thành lập các trung tâm đào tạo tiếng Anh, hoạt động kinh doanh của công ty con chưa phát sinh doanh thu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

(4) Công ty Cổ phần Trường Liên cấp Firbank Australia tập trung chủ yếu là hoạt động xây dựng cơ bản để thành lập trường, hoạt động kinh doanh của công ty con chưa phát sinh doanh thu.

**3. Phải thu của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Chứng khoán Dầu khí	4.000.000.000	2.800.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư An toàn Safeinvest	11.701.294.000	-	6.501.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.701.294.000</b>	<b>2.800.000.000</b>	<b>10.501.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

**4. Trả trước cho người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Vicad tư vấn đầu tư và thiết kế	827.616.995	-	-	-
Công ty TNHH Kiến tạo và Kiệt tác	100.000.000	-	100.000.000	-
Các đối tượng khác	-	-	24.240.000	-
<b>Cộng</b>	<b>927.616.995</b>	<b>-</b>	<b>124.240.000</b>	<b>-</b>

**5. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>Phải thu khác</b>	<b>23.649.947.636</b>	<b>-</b>	<b>7.319.231.751</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	-	-	6.325.914.800	-
Công ty Cổ phần English Now Global	859.702.542	-	859.702.542	-
Công ty CP Trường liên cấp Firbank Australia	133.614.409	-	133.614.409	-
Nguyễn Ngọc Thùy (1)	22.656.630.685	-	-	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>5.579.180.309</b>	<b>-</b>	<b>8.621.708.511</b>	<b>-</b>
Mai Thị Trà My	-	-	8.584.402.400	-
Nguyễn Thị Hải	5.570.866.000	-	-	-
Các đối tượng khác	8.314.309	-	37.306.111	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

<b>Ký quỹ, ký cược</b>	<b>276.122.597.500</b>	-	<b>42.915.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Terra	42.330.000.000	-	42.330.000.000	-
Gold Việt Nam (2)				
Nguyễn Ngọc Thủy (3)	233.787.597.500	-	-	-
Các đối tượng khác	5.000.000		585.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>305.351.725.445</b>	-	<b>58.855.940.262</b>	-

(1) Là khoản lãi đặt cọc do vi phạm thỏa thuận quy định theo thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax ngày 02/01/2020.

(2) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng “phần dự án trường học” trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học tại số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Tiến độ hoàn thành sẽ là trong quý 4 năm 2020.

(3) Là khoản Công ty đặt cọc mua cổ phần của Công ty CP Anh ngữ Apax do ông Nguyễn Ngọc Thủy sở hữu theo thỏa thuận đặt cọc ngày 02/01/2020.

*b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

**6. Tài sản dở dang dài hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Triển khai hệ thống phần mềm quản lý FSOFT	838.998.182	838.998.182
Chi phí xây dựng Website Haravan	37.868.000	-
<b>Cộng</b>	<b>876.866.182</b>	<b>838.998.182</b>

**7. Chi phí trả trước**

	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Phí tư vấn tài chính	290.000.000	-
	290.000.000	-
<i>b) Dài hạn</i>		
Phí tư vấn tài chính	1.345.341.835	113.415.210
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.258.862.000	-
	86.479.835	113.415.210
<b>Cộng</b>	<b>1.635.341.835</b>	<b>113.415.210</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**8. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2020	802.350.909	336.665.306	1.139.016.215
Số dư ngày 30/06/2020	802.350.909	336.665.306	1.139.016.215
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2020	234.019.000	79.629.306	313.648.306
Khấu hao trong kỳ	40.117.542	46.977.597	87.095.139
Số dư ngày 30/06/2020	274.136.542	126.606.903	400.743.445
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	568.331.909	257.036.000	825.367.909
Tại ngày 30/06/2020	528.214.367	210.058.403	738.272.770

**9. Phải trả người bán**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	443.723.700	443.723.700	793.723.700	793.723.700
Công ty CP Quản lý tài sản Dzambala	1.302.917.400	1.302.917.400	1.302.917.400	1.302.917.400
Công ty TNHH KPMG	1.384.748.200	1.384.748.200	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	1.302.917.400	1.302.917.400	-	-
Các đối tượng khác	399.895.316	399.895.316	243.941.837	243.941.837
<b>Cộng</b>	<b>4.834.202.016</b>	<b>4.834.202.016</b>	<b>2.340.582.937</b>	<b>2.340.582.937</b>

**10. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	460.884.695	2.927.664.256	460.766.288	2.927.782.663
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.994.122.469	-	-	1.994.122.469
Thuế thu nhập cá nhân	243.545.719	359.896.798	256.336.230	347.106.287
Các loại thuế khác	-	9.078.133	9.078.133	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	272.069.929	-	272.069.929
<b>Cộng</b>	<b>2.698.552.883</b>	<b>3.568.709.116</b>	<b>726.180.651</b>	<b>5.541.081.348</b>

**12. Chi phí phải trả**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí lương, thưởng	-	1.394.305.757
Lãi trái phiếu	299.178.082	299.178.082
Trích trước chi phí lãi tiền vay	31.873.179.080	2.646.390.341
Chi phí phải trả khác	-	405.189.587
<b>Cộng</b>	<b>32.172.357.162</b>	<b>4.745.063.767</b>

**13. Phải trả khác**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Nguyễn Ngọc Thủy	-	97.800.000.000
BHXH quận Đống Đa	296.486.982	33.351.200
Cổ tức phải trả	589.041.135	589.041.135
Các đối tượng khác	3.454.566	-
<b>Cộng</b>	<b>888.982.683</b>	<b>98.422.392.335</b>

**b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a -DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

**14.1 Vay**

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (1)	691.404.085.200	691.404.085.200	348.130.000.000	6.325.914.800	349.600.000.000	349.600.000.000
Trương Thị Tâm (2)	9.982.254.932	9.982.254.932	482.254.932	15.000.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>701.386.340.132</b>	<b>701.386.340.132</b>	<b>348.612.254.932</b>	<b>21.325.914.800</b>	<b>374.100.000.000</b>	<b>374.100.000.000</b>

**(1) Khoản vay Công ty cổ phần anh ngữ Apax English theo các hợp đồng:**

- Hợp đồng vay tiền số 07.2019/HĐV/AH-AE ngày 8/7/2019 với Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Số tiền vay 60 tỷ đồng, cho vay theo từng lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm, số tiền vay và tiền lãi được thanh toán theo thỏa thuận của các bên, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- Hợp đồng vay tiền số 08.2019/HĐV/AH-AE tháng 8/2019 với Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Số tiền vay 90 tỷ đồng, cho vay theo từng lần trong thời hạn 12 tháng hoặc 36 tháng với lãi suất bằng với lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam kể từ ngày giải ngân, số tiền vay và tiền lãi được thanh toán theo thỏa thuận của các bên, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- Hợp đồng vay tiền số 09.2019/HĐV/AH-AE ngày 26/9/2019 với Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Số tiền vay 130 tỷ đồng, cho vay theo từng lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm, số tiền vay và tiền lãi được thanh toán theo thỏa thuận của các bên, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.
- Hợp đồng vay tiền số 16.12/2019/HĐV/AE-AH ngày 16/12/2019 với Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Tổng hạn mức vay 350 tỷ đồng, cho vay theo từng lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm, số tiền vay và lãi vay được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

- Hợp đồng vay tiền số 01.2020/HĐV/AH-AE ngày 02/01/2020 với Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax. Số tiền vay 100 tỷ đồng, cho vay theo từng lần trong thời hạn 12 tháng với lãi suất bằng với lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam kể từ ngày giải ngân, số tiền vay và tiền lãi được thanh toán theo thỏa thuận của các bên, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tin chấp.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 11.06/2020/HĐVT/TTAM-APAX HOLDINGS ngày 11/6/2020 với số tiền cho vay là 9.982.254.932 đồng bao gồm dư nợ gốc vay của hợp đồng số 11.12/2019/TTVTAM-APAXHOLDINGS ngày 11/12/2019 và lãi vay theo Biên bản thỏa thuận ký ngày 11/6/2020, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh, tài sản đảm bảo cho khoản vay là 5 tháng từ ngày 11/6/2020 đến ngày 11/11/2020 với lãi suất là 12%.

*b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

**14.2 Trái phiếu phát hành****Trái phiếu thường**

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
		Kỳ hạn		Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (3)	103.364.025.765	5%/năm	103.255.001.611	5%/năm
<b>Cộng</b>	<b>103.364.025.765</b>		<b>103.255.001.611</b>	

(3) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ VND trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

• Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch + 1 ngày giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 đồng để mua 18.878.584 cổ phiếu Apax English, nâng tổng số cổ phiếu Công ty sở hữu tại Apax English lên 42.169.384 cổ phiếu;

- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 đồng.

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 đồng, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ I năm 2019 số 0609/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau:

Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ đồng) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 đồng. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	688.800.000.000	65.976.720.000	64.845.792.912	819.622.512.912
Tăng vốn trong năm trước	127.097.350.000	-	-	127.097.350.000
Lãi trong năm trước	-	-	53.132.682.534	53.132.682.534
Phân phối lợi nhuận	-	-	(61.992.000.000)	(61.992.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	815.897.350.000	65.976.720.000	55.986.475.446	937.860.545.446
Lỗ trong kỳ này	-	-	(9.612.007.728)	(9.612.007.728)
Tăng khác (*)	-	-	65.976.720.000	65.976.720.000
Giảm khác (*)	-	(65.976.720.000)	-	(65.976.720.000)
Số dư tại ngày 30/06/2020	815.897.350.000	-	112.351.187.718	928.248.537.718

(\*) Kết chuyển thặng dư vốn cổ phần sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 3006/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	543.899.990.000	543.899.990.000
Các đối tượng khác	271.997.360.000	271.997.360.000
<b>Cộng</b>	<b>815.897.350.000</b>	<b>815.897.350.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>815.897.350.000</b>	<b>688.800.000.000</b>
Vốn góp đầu kỳ	815.897.350.000	688.800.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	75.766.760.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	815.897.350.000	764.566.760.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>61.992.000.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	81.589.735	81.589.735
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	81.589.735	81.589.735
- Cổ phiếu phổ thông	81.589.735	81.589.735
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.589.735	81.589.735
- Cổ phiếu phổ thông	81.589.735	81.589.735
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.005.721.818	29.524.997.273
<b>Cộng</b>	<b>32.005.721.818</b>	<b>29.524.997.273</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ (*)	1.373.603.971	1.348.259.868
<b>Cộng</b>	<b>1.373.603.971</b>	<b>1.348.259.868</b>

(\*) Giá vốn cung cấp dịch vụ là các chi phí phục vụ cho các hoạt động theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng. Giá vốn được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	188.099	1.396.157.006
Lãi dự thu khoản đặt cọc với ông Nguyễn Ngọc Thùy	22.656.630.685	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	33.771.507.200
<b>Cộng</b>	<b>22.656.818.784</b>	<b>35.167.664.206</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí lãi vay	30.554.844.746	5.299.262.329
Lỗ bán khoản đầu tư	180.000.000	-
Lãi trái phiếu phát hành	2.618.949.771	-
Chi phí phát hành trái phiếu	109.024.154	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	25.211.538.227	-
Chi phí tài chính khác	-	217.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(10.135.493.312)
<b>Cộng</b>	<b>58.674.356.898</b>	<b>(4.619.230.983)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**5. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	284.236.844	-
<b>Cộng</b>	<b>284.236.844</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.564.331.069	2.507.938.845
Chi phí đồ dùng văn phòng	178.746.351	85.966.280
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	87.095.139	40.117.545
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	240.502.888
Chi phí dự phòng	800.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.298.762.967	1.662.868.830
Chi phí bằng tiền khác	10.415.091	915.502.890
<b>Cộng</b>	<b>3.942.350.617</b>	<b>5.452.897.278</b>

**7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.937.935.040	3.856.198.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.095.139	40.117.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.298.762.967	1.662.868.830
Chi phí khác bằng tiền	192.161.442	1.241.972.058
<b>Cộng</b>	<b>4.515.954.588</b>	<b>6.801.157.146</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.612.007.728)	62.510.735.316
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	33.771.507.200
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	284.236.844	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.327.770.884)	28.739.228.116
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	-	5.747.845.623
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>5.747.845.623</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ**

**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí phát hành trái phiếu	109.024.154	-
Lãi vay nhập gốc	482.254.932	-

**2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	348.130.000.000	517.000.000
<b>Cộng</b>	<b>348.130.000.000</b>	<b>517.000.000</b>

**3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	21.325.914.800	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.325.914.800</b>	<b>300.000.000</b>

**VIII Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

***Danh sách các bên liên quan***

**Bên liên quan**

Ông Nguyễn Ngọc Thủy

**Môi quan hệ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,  
số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020

đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Công ty con
Công ty Cổ phần English Now Global	Công ty con
Công ty CP Trường liên cấp Firbank Australia	Công ty con

\*) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
<b>Vay</b>	<b>348.130.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	348.130.000.000	-
<b>Trả khoản vay</b>	<b>6.325.914.800</b>	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	6.325.914.800	-
<b>Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần</b>	<b>233.787.597.500</b>	-
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	233.787.597.500	-
<b>Lãi đặt cọc chuyển nhượng cổ phần</b>	<b>22.656.630.685</b>	-
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	22.656.630.685	-
<b>Lãi vay phát sinh</b>	<b>29.270.849.181</b>	<b>133.890.411</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	29.270.849.181	133.890.411

\*) Số dư với các bên liên quan

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>23.649.947.636</b>	<b>7.319.231.751</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	-	6.325.914.800
Công ty Cổ phần English Now Global	859.702.542	859.702.542
Công ty CP Trường liên cấp Firbank Australia	133.614.409	133.614.409
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	22.656.630.685	-
<b>Ký quỹ, ký cược</b>	<b>233.787.597.500</b>	-
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	233.787.597.500	-
<b>Phải trả khác</b>	-	<b>97.800.000.000</b>
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	-	97.800.000.000
<b>Vay</b>	<b>691.404.085.200</b>	<b>349.600.000.000</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	691.404.085.200	349.600.000.000
<b>Chi phí lãi vay phải trả</b>	<b>31.782.911.440</b>	<b>2.512.062.259</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	31.782.911.440	2.512.062.259

\*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.871.364.132	1.986.454.986
<b>Cộng</b>	<b>1.871.364.132</b>	<b>1.986.454.986</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản vay	804.750.365.897	477.355.001.611
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.460.486.951	517.356.034
Nợ thuần	803.289.878.946	476.837.645.577
Vốn chủ sở hữu	928.248.537.718	937.860.545.446

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.460.486.951	517.356.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	318.253.019.445	67.356.940.262
Các khoản đầu tư tài chính	114.000.000	474.000.000
<b>Cộng</b>	<b>319.827.506.396</b>	<b>68.348.296.296</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	804.750.365.897	477.355.001.611
Phải trả người bán và phải trả khác	5.723.184.699	100.762.975.272
Chi phí phải trả	32.172.357.162	4.745.063.767
<b>Cộng</b>	<b>842.645.907.758</b>	<b>582.863.040.650</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

<b>30/06/2020</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	5.723.184.699	-	5.723.184.699
Chi phí phải trả	32.172.357.162	-	32.172.357.162
Các khoản vay	701.386.340.132	103.364.025.765	804.750.365.897
<b>01/01/2020</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	100.762.975.272	-	100.762.975.272
Chi phí phải trả	4.745.063.767	-	4.745.063.767
Các khoản vay	374.100.000.000	103.255.001.611	477.355.001.611

Ban Điều hành đã đánh giá rủi ro thanh khoản, và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/06/2020</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.460.486.951	-	1.460.486.951
Phải thu khách hàng và phải thu khác	318.253.019.445	-	318.253.019.445
Các khoản đầu tư tài chính	-	114.000.000	114.000.000
<b>01/01/2020</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.356.034	-	517.356.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.356.940.262	-	67.356.940.262
Các khoản đầu tư tài chính	-	474.000.000	474.000.000

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

NGUYỄN NGỌC THÚY